

XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON THÔNG QUA CƠ CHẾ TỔ TỤNG TẠI TÒA ÁN

NGÔ KHÁNH TÙNG

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: nktung@hcmulaw.edu.vn

NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG

Công ty Luật TNHH MTV Ta Pha

Ta Pha Law Firm

Email: suongnguyen@taphagroup.com

Tóm tắt

Trong bài viết này, nhóm tác giả phân tích quy định của pháp luật về xác định cha, mẹ, con thông qua cơ chế tổ tụng dân sự bằng cách tiếp cận các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành. Trên cơ sở liên hệ với thực tiễn thụ lý, giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con tại Tòa án, nhóm tác giả chỉ ra một số bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan.

Từ khóa: cha, mẹ, con, xác định, tố tụng dân sự, Tòa án

Abstract

In this article, the authors analyze the legal provisions for identifying parents and children through the civil procedure mechanism by approaching the provisions of the Civil Procedure Code and the Law on Marriage and Family. Based on the practical handling of receiving and resolving this request at the court, the authors point out some shortcomings and propose recommendations to improve related laws.

Keywords: parental relationship, identification, civil litigation, court

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.227>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

Quan hệ cha, mẹ, con là mối quan hệ pháp lý giữa một người (gọi là con) và một người khác (gọi là cha hoặc mẹ): tùy theo người khác đó là nam hay nữ, quan hệ được thiết lập là quan hệ cha-con hoặc quan hệ mẹ-con.¹ Dưới góc độ pháp lý, nhà làm luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con như trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục... Tuy nhiên, các quyền và nghĩa vụ này không tự động phát sinh khi mối quan hệ cha-con, mẹ-con chưa được xác lập về mặt pháp lý. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều trường hợp, việc xác định quan hệ này thường gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi giữa các bên có sự bất đồng.

Theo pháp luật hiện hành, việc xác định cha, mẹ, con có thể thực hiện qua thủ tục hành chính hoặc tư pháp. Tùy theo từng trường hợp, cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc Tòa án sẽ có thẩm quyền giải quyết. Việc lựa chọn cơ quan có thẩm quyền và trình tự thực hiện phụ thuộc vào yêu cầu của các bên liên quan cũng như mức độ phức tạp của vụ việc. Tuy nhiên, “có thể khẳng định là việc xác định cha, mẹ, con theo hai cách thức kể trên hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến việc áp dụng các nghĩa vụ và quyền giữa cha, mẹ, con với nhau”.²

1 Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (Tập 1: Các quan hệ nhân thân về gia đình)*, Nguyễn Ngọc Điện (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 91.

2 Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam (tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung)*, Nguyễn Văn Tiến (chủ biên), Nxb. Hồng Đức, 2022, tr. 269.

Trong bài viết này, nhóm tác giả chỉ luận bàn về xác định cha, mẹ, con bằng thủ tục tư pháp – vấn đề vốn dĩ còn khá phức tạp và gây nhiều tranh luận trong thực tế. Bài viết đi sâu vào việc trả lời cho các câu hỏi: (i) Trong trường hợp nào, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con? và (ii) Tòa án thụ lý và giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con của đương sự theo thủ tục gì?

1. Quy định của pháp luật điều chỉnh cơ chế xác định cha, mẹ, con

1.1. Thẩm quyền của Tòa án đối với việc xác định cha, mẹ, con

Nghiên cứu cơ chế xác định cha, mẹ, con bằng thủ tục tư pháp tại Tòa án không chỉ bao gồm việc phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật tố tụng, mà việc liên hệ, đối sánh trong tương quan với các quy định của pháp luật nội dung là Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) năm 2014 và Luật Hộ tịch năm 2014 đóng một vai trò hết sức quan trọng. Điều 101 Luật HNGĐ năm 2014 đã có quy định nhận diện rõ về các cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con. Trong đó, khoản 2 Điều này ghi nhận Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong các trường hợp: (i) có tranh chấp; (ii) người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết; (iii) người có yêu cầu xác định cha, mẹ, con chết.

Luật HNGĐ năm 2014 và Bộ Luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 là hai hạt nhân pháp lý điều chỉnh việc xác định cha, mẹ, con theo cơ chế này. Trong đó, Luật HNGĐ năm 2014 được xem là hạt nhân pháp lý điều chỉnh về mặt nội dung,³ còn BLTTDS năm 2015 được xem là hạt nhân pháp lý điều chỉnh về mặt hình thức, nhằm đảm bảo việc thực thi các nguyên tắc, quyền năng của mỗi chủ thể theo pháp luật nội dung.

Việc nam, nữ đăng ký kết hôn là cơ sở pháp lý hình thành quan hệ gia đình, đặc biệt là quan hệ cha, mẹ, con. Theo Điều 88 Luật HNGĐ năm 2014, việc xác định con chung của vợ chồng được thực hiện dựa trên nguyên tắc suy đoán pháp lý căn cứ vào thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Cụ thể: (i) Con sinh trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ này; (ii) Con sinh trong vòng 300 ngày sau khi hôn nhân chấm dứt; (iii) Con sinh trước khi đăng ký kết hôn nhưng được cha mẹ thừa nhận. Quy định này được xem là kim chỉ nam mà mỗi chủ thể phải tuân thủ nghiêm chỉnh khi thực thi các quyền, cũng như khi áp dụng các biện pháp pháp lý để yêu cầu cơ quan công quyền xác định cha, mẹ, con.

Trên tinh thần này, khoản 2 Điều 88 Luật HNGĐ năm 2014 khẳng định trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh, đồng thời Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này. Thực chất, giả định

3 Shruti Bedi, “Comparing matrimonial laws in India and Vietnam: Is a uniform Civil Code Necessary?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 7(2), 2022, tr. 101-114, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0010>.

pháp lý về quan hệ cha – con được sử dụng ở hầu hết các quốc gia. Đứa trẻ được thụ thai hoặc sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của người vợ được coi là con của chồng và mối quan hệ cha – con được pháp luật thừa nhận.⁴

Ngoài trường hợp xác định con chung của vợ chồng, nhà làm luật còn trù liệu cơ chế pháp lý về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp cha, mẹ không tồn tại quan hệ hôn nhân.⁵ Điều 89 Luật HNGĐ năm 2014 đã minh định rõ về quyền của người không được nhận là cha, mẹ của một người cũng như người được nhận là cha, mẹ của một người. Theo đó, người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình. “Người không được nhận là cha, mẹ của một người” có thể được hiểu là “người không được đối xử như cha, mẹ cũng không được ghi tên ở các cột dành cho việc ghi nhận lai lịch của cha, mẹ”.⁶ Ở khía cạnh ngược lại, người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình.

Quy định nói trên có nhiều nét tương đồng với pháp luật Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Điều 1073 BLDS Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2020 ghi nhận quy định về tố tụng đối với dị nghị (phản đối) về quan hệ con ruột. Cụ thể, nếu quan hệ con ruột có dị nghị đồng thời có lý do chính đáng, cha hoặc mẹ có thể đưa ra tố tụng trước Tòa án, yêu cầu xác nhận hoặc phủ nhận quan hệ con ruột. Về phía người con, luật định rõ con thành niên cũng có thể đưa ra tố tụng trước Tòa án yêu cầu xác nhận quan hệ con ruột nếu quan hệ con ruột có dị nghị và có lý do chính đáng.⁷

Ngoài quy định của Luật HNGĐ năm 2014, Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch cũng có quy định liên quan đến việc xác định cha, mẹ, con của cơ quan tài phán. Khoản 4 Điều 16 Thông tư này quy định “trường hợp con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận thì do TAND xác định theo quy định pháp luật”. Với quy định này, tác giả cho rằng chưa thực sự cần thiết, bởi tinh thần này đã được quy định minh thị tại khoản 2 Điều 88 và khoản 1 Điều 89 Luật HNGĐ năm 2014.

Tiếp đến, tại đoạn thứ hai của quy định nói trên ghi nhận “trường hợp

4 Wenting You, “Parent-child relationship in the Civil Code of China”, *Laws*, Vol. 12(1), 2023, tr. 4, <https://doi.org/10.3390/laws12010001>.

5 Ngo Thi Anh Van, “Offsprings conceived via assisted reproductive technology by a single woman: A matter of father identification”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3(2), 2020, tr. 1-19, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>.

6 Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *ltdđ*, tr. 101.

7 Lê Khánh Linh và các tác giả khác, *BLDS Trung Quốc 2020 (Bản dịch và lược giải)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr. 317.

TAND từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này”. Theo khoản 1 Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP, chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật hộ tịch gồm “văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con”. Như vậy, theo quy định nói trên, cơ quan đăng ký hộ tịch sẽ có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con nếu như có đầy đủ các giấy tờ theo quy định. Đây là cơ chế góp phần bảo đảm quyền được khai sinh của trẻ. Song, cách quy định này thực chất không rõ ràng, vô hình trung dẫn đến nhiều quan điểm, cách hiểu khác nhau về thẩm quyền xác định cha, mẹ, con. Hơn nữa, “văn bản từ chối giải quyết của Tòa án” được nhắc đến trong trường hợp này là văn bản gì thì nhà làm luật cũng chưa xác định rõ.

Về vấn đề này, nhóm tác giả đồng thuận với quan điểm cho rằng “việc hướng dẫn này mang tính “nước đôi” theo hướng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhưng Tòa án không giải quyết thì lại thuộc thẩm quyền của cơ quan đăng ký hộ tịch, cho nên điều này chưa phù hợp với nguyên tắc cần phải dứt khoát trong việc phân định thẩm quyền, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và bản chất của việc phân định giữa quyền hành pháp và quyền tư pháp”.⁸ Chính vì thế, nhằm tạo cơ sở pháp lý minh bạch, rạch ròi trong việc phân định thẩm quyền xác định cha, mẹ, con thuộc về cơ quan đăng ký hộ tịch hay cơ quan tài phán, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

1.2. Thủ tục xác định cha, mẹ, con bằng cơ chế tố tụng tại Tòa án

Nhằm đảm bảo thực thi quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con theo quy định của Luật HNGĐ năm 2014, pháp luật tố tụng với hạt nhân là BLTTDS năm 2015 đã xây dựng cơ chế tố tụng tương thích để điều chỉnh.

Căn cứ vào dấu hiệu pháp lý cơ bản là có hay không có yếu tố tranh chấp trong yêu cầu xác định cha, mẹ, con, BLTTDS năm 2015 đã phân định rõ ràng rằng việc xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ có thể được giải quyết theo cơ chế việc dân sự hoặc vụ án dân sự. Theo quy định tại Điều 361 BLTTDS năm 2015, “việc dân sự” được hiểu là “cá nhân, cơ quan, tổ chức không có tranh chấp nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp luật làm căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động của mình

8 Lưu Tiến Dũng, Đặng Thanh Hoa (đồng chủ biên), *Lý giải một số vấn đề của BLTTDS năm 2015 từ thực tiễn xét xử*, Nxb. Tư pháp, 2022, tr. 545.

hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác”. Khác với “việc dân sự”, khái niệm “vụ án dân sự” chưa được quy định minh thị trong BLTTDS năm 2015, tuy nhiên tham chiếu quy định tại Điều 186 BLTTDS năm 2015 và các quy định liên quan điều chỉnh về khởi kiện vụ án dân sự, “vụ án dân sự” có thể được hiểu là “cá nhân, cơ quan, tổ chức có tranh chấp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động của mình hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác, có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”.⁹

Việc dân sự và vụ án dân sự được Tòa án có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý và giải quyết theo hai thủ tục pháp lý riêng biệt. BLTTDS năm 2015 đã quy định rõ ràng về sự phân tách này. Cụ thể, thủ tục giải quyết vụ án dân sự được quy định tại Phần thứ hai, Phần thứ ba và Phần thứ tư của BLTTDS năm 2015, trong khi thủ tục giải quyết việc dân sự được quy định tại Phần thứ bảy Bộ luật này.

1.2.1. Cơ chế giải quyết vụ án dân sự

Khoản 4 Điều 28 BLTTDS năm 2015 quy định: Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, nhằm điều chỉnh những tranh chấp phát sinh ngoài dự liệu tại thời điểm ban hành, khoản 8 Điều 28 BLTTDS năm 2015 quy định theo hướng mở rộng phạm vi thẩm quyền của TAND đối với các tranh chấp hôn nhân và gia đình như sau: “Các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức khác theo quy định pháp luật”.

Điều 4, Điều 186, Điều 187 BLTTDS năm 2015 quy định chung về quyền khởi kiện vụ án dân sự, đó là khi một chủ thể cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện yêu cầu TAND có thẩm quyền giải quyết, hoặc trong một số trường hợp ngoại lệ, để bảo vệ quyền hay lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, pháp luật quy định quyền khởi kiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm: Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hợp phụ nữ Việt Nam, Tổ chức đại diện tập thể lao động, Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền khởi kiện trong trường hợp cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Nhóm tác giả cho rằng đây là cơ chế pháp lý phù hợp và nhân văn, vì quyền khởi kiện là quyền cơ bản của con người, được ghi nhận rõ nét trong các văn kiện pháp lý quốc tế. Ở Việt Nam, quyền khởi kiện cũng là một trong những quyền cơ bản của công dân. Đối với tranh chấp xác định cha, mẹ, con, cơ chế giải quyết vụ án

9 Nguyễn Quang Hiền, *Giải quyết vụ việc dân sự (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Lao động, 2022, tr. 99.

dân sự tương tự như các tranh chấp dân sự khác. Theo đó, để yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho con, chủ thể khởi kiện cần có yêu cầu khởi kiện hợp lệ, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định. Cụ thể:

Một là, đáp ứng về tư cách chủ thể khởi kiện. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 189, Điều 69 BLTTDS năm 2015, các chủ thể có quyền khởi kiện khi có năng lực hành vi tố tụng dân sự. Tùy thuộc vào chủ thể khởi kiện là cơ quan, tổ chức hay cá nhân mà BLTTDS năm 2015 có những quy định điều chỉnh khác nhau.

Hai là, yêu cầu xác định cha, mẹ, con phải được thể hiện dưới hình thức đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện này phải thể hiện đầy đủ các nội dung được liệt kê tại khoản 4 Điều 189 BLTTDS năm 2015.

Ba là, người khởi kiện phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Bốn là, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đính kèm phải được nộp cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án tương ứng với từng loại tranh chấp khác nhau được điều chỉnh tại Chương III BLTTDS năm 2015.¹⁰

1.2.2. Cơ chế giải quyết việc dân sự

Khoản 10 Điều 29 BLTTDS năm 2015 quy định “yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND và được giải quyết theo cơ chế việc dân sự. “Đây là điểm mới mà ở BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011 không quy định. Nó được xem là một bước tiến mới của các nhà lập pháp trong việc luật hóa các quan hệ xã hội mà chưa được pháp luật ghi nhận. Từ đó, mở rộng thẩm quyền của Tòa án trong việc xem xét xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp và không có tranh chấp”.¹¹

Tương tự như cách quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án trong tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khoản 11 Điều 29 BLTTDS năm 2015 cũng có quy định về trường hợp dự liệu như sau: “Các yêu cầu khác về hôn nhân và gia đình, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật”.

Được nhìn nhận dưới góc độ là một yêu cầu dân sự, “yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ” sẽ được thực hiện theo thủ tục giải quyết việc dân sự căn cứ theo quy định tại Phần 6 BLTTDS năm 2015. Theo đó, cần lưu tâm đến các vấn đề pháp lý sau: *Một là*, chủ thể yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về tư cách pháp lý. Nghĩa là cá nhân, tổ chức phải đáp ứng

10 Nguyễn Thị Thu Sương, *Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 28.

11 Văn phòng VKSND tối cao, “Bàn về thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con”, *Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, 2020, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/ban-ve-tham-quyen-xac-dinh-quan-he-cha-me-con-d10-t8429.html>, truy cập ngày 24/5/2024.

điều kiện về năng lực chủ thể;¹² *Hai là*, yêu cầu xác định cha, mẹ, con phải được thể hiện dưới hình thức đơn yêu cầu. Đơn yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ các nội dung được liệt kê tại khoản 2 Điều 362 BLTTDS năm 2015; *Ba là*, người yêu cầu xác định cha, mẹ, con phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp; *Bốn là*, đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ đính kèm phải được nộp cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án tương ứng với từng loại yêu cầu khác nhau được điều chỉnh tại Chương III BLTTDS năm 2015.

2. Một số vấn đề trong thực tiễn áp dụng pháp luật và kiến nghị

Áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về xác định cha, mẹ, con thông qua cơ chế tố tụng tại Tòa án vào thực tiễn thụ lý, giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con, nhóm tác giả nhận thấy một số vấn đề cần được trao đổi, bàn luận, làm sáng tỏ, cụ thể:

Thứ nhất, vấn đề còn gây nhiều băn khoăn trong thực tiễn, đó là “tranh chấp về xác định cha, mẹ, con” được nhận diện bởi dấu hiệu đặc thù nào? Hình thái tranh chấp thể hiện ra sao? Chủ thể nào tranh chấp với chủ thể nào? Pháp luật thực định chưa có câu trả lời. BLTTDS năm 2015 chỉ mới ghi nhận một cách chung chung về mặt thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con và đưa ra dấu hiệu phân định là có hay không có yếu tố tranh chấp để xác định cơ chế xác định cha, mẹ, con được tiến hành theo thủ tục là giải quyết yêu cầu dân sự hay vụ án dân sự, “chứ không quy định rõ thế nào là có tranh chấp khi có yêu cầu về xác định cha, mẹ, con, dẫn đến thực tiễn áp dụng đôi khi Tòa án chưa thống nhất trong thụ lý giải quyết đối với các trường hợp có Tòa án thụ lý vụ án dân sự, có Tòa án lại thụ lý việc dân sự đối với những vụ việc tương tự nhau”.¹³ Để làm sáng tỏ, nhóm tác giả phân tích một số vụ việc sau đây:

*Vụ việc số 1:*¹⁴ Đầu năm 2013, ông Đ và bà B sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 29/11/2013, bà B sinh cháu KA. Ngày 27/02/2014, bà B đăng ký khai sinh cho cháu KA với thông tin cha ruột là ông Đ. Tháng 3/2014, bà B yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xét nghiệm gen (AND) đối với ông Đ và cháu KA. Kết quả xét nghiệm kết luận: “Ông Đ không phải là cha đẻ của KA”. Sau khi biết được kết quả xét nghiệm, ông Đ muốn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án xác định cháu KA không phải là con ruột. Ông Đ có Đơn yêu cầu giải

12 Xem thêm nội dung đã phân tích tại mục 1.2.1.

13 Lưu Tiến Dũng, Đặng Thanh Hoa (đồng chủ biên), *tlđđ*, tr. 530.

14 Nội dung vụ việc được tóm tắt trên cơ sở các tài liệu: (i) Giấy khai sinh số 39/2014, quyền số 3 do UBND xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/02/2014; (ii) Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự (V/v: Yêu cầu xác định cha cho con) của ông Trần Đình Đ; (iii) Kết quả xét nghiệm gen (AND) số 125/DVADN ngày 07/3/2014 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; (iv) Thông báo số 1869/TB-TA ngày 27/02/2014 của TAND quận BT về yêu cầu sửa đổi bổ sung Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự.

quyết việc dân sự đến TAND quận BT, yêu cầu xác định cháu KA không phải là con ruột của ông Đ. TAND quận BT (Tòa án nơi người yêu cầu cư trú) cho rằng vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, vì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND nơi bị đơn cư trú. Trong Thông báo số 1869/TB-TA của TAND quận BT về yêu cầu sửa đổi bổ sung Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, có nội dung “căn cứ theo quy định tại Điều 361 BLTTDS việc dân sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình và các vấn đề khác. Do đó, Tòa án yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ thể hiện bà B là mẹ của cháu KA theo nội dung giấy khai sinh số 39/2014 đăng ký ngày 27/02/2024 do UBND xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp đồng ý với đơn yêu cầu việc dân sự của ông Đ.

Trong vụ việc này, quan điểm của Tòa án là yêu cầu của ông Đ chỉ được xác định là yêu cầu giải quyết việc dân sự khi có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự đồng ý của người mẹ là bà B đối với yêu cầu không công nhận cháu KA là con ruột của ông Đ. Trường hợp không có tài liệu thể hiện sự đồng ý của bà B thì đây là tranh chấp dân sự về xác định cha, mẹ cho con. Theo nhóm tác giả, việc xác định Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con là hoàn toàn phù hợp với tinh thần pháp luật.¹⁵ Tuy nhiên, về thủ tục xác định cha, mẹ, con, chúng tôi cho rằng, xuất phát từ việc thiếu khuyết quy định hướng dẫn cụ thể về dấu hiệu tranh chấp cũng như hình thái thể hiện của tranh chấp dẫn đến việc Tòa án còn e ngại trong việc thụ lý, giải quyết vụ việc, dẫn đến quyền lợi công dân chưa được bảo vệ đúng mức.

Hơn nữa, nếu xem tình huống trên là tranh chấp dân sự, thì việc xác định tư cách đương sự cũng gặp nhiều vướng mắc. Theo Điều 68 BLTTDS năm 2015, nguyên đơn là người khởi kiện khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, còn bị đơn là người bị khởi kiện vì bị cho là đã xâm phạm quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó, nếu xác định đây là vụ án dân sự như TAND quận BT đã giải quyết, thì việc coi ông Đ là nguyên đơn và bà B là bị đơn là thiếu hợp lý, thậm chí không chính xác.

*Vụ việc số 2:*¹⁶ Năm 2016, chị Y và anh D kết hôn. Ngày 03/01/2019, chị Y sinh cháu Y1. Tại giấy khai sinh của cháu Y1 phần họ, chữ đệm, tên người cha là Triệu Nguyên D. Ngày 29/4/2021, chị Y và anh D ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2021/QĐST-HNGĐ của TAND huyện V, tỉnh Th. Chị Y cho rằng Y1 không phải là con chung của chị với anh D mà là con chung của chị với anh H, và tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của

15 Khoản 2 Điều 89 Luật HNGĐ năm 2014 quy định người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình.

16 Quyết định số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023 của TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

các đương sự nêu trên cũng đã xác định giữa chị Y và anh D không có con chung là Y1 mà chỉ có con chung N. Do vậy chị Y yêu cầu TAND huyện N giải quyết công nhận anh H là cha đẻ của cháu Y1. Trường hợp này, TAND huyện N xác định yêu cầu xác định cha cho con của chị Y là cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 10 Điều 29 BLTTDS năm 2015.

Rõ ràng, hai vụ việc trên có tình huống pháp lý tương tự, đặc biệt đều có tài liệu, chứng cứ thể hiện về việc không tồn tại quan hệ cha, con thực tế, tuy nhiên, các Tòa án lại xác định theo các cơ chế giải quyết khác nhau khi thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự.

Điểm khác biệt đặc thù nhất giữa tranh chấp và yêu cầu trong tố tụng dân sự nói chung, trong việc xác định cha, mẹ, con nói riêng đó là dấu hiệu có hay không có sự tồn tại của yếu tố “tranh chấp”. Theo đó tranh chấp xác định cha, mẹ, con nghĩa là giữa các bên liên quan có tồn tại một hoặc nhiều vấn đề còn bất đồng, mâu thuẫn về quyền và lợi ích liên quan đến việc thừa nhận hay không thừa nhận quan hệ cha, mẹ, con hay các vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ này. Ở chiều ngược lại, yêu cầu xác định cha, mẹ, con nghĩa là tất cả các bên liên quan đều thống nhất về cùng một vấn đề liên quan đến việc công nhận, không công nhận quan hệ cha, mẹ, con hay các vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ này.

Luận bàn về yếu tố “có tranh chấp” trong việc xác định cha, mẹ, con, có quan điểm cho rằng “việc xác định cha cho con có tranh chấp xảy ra, cụ thể là người đàn ông không thừa nhận đứa trẻ do người phụ nữ sinh ra là con mình”.¹⁷ Ngoài ra, còn tồn tại các quan điểm như sau: *Theo quan điểm thứ nhất*, “có tranh chấp” về việc xác định cha, mẹ, con không chỉ là tranh chấp về chính việc xác định cha, mẹ, con (nghĩa là một bên yêu cầu xác định cha, mẹ, con, bên còn lại không đồng ý) mà còn bao gồm tất cả các tranh chấp xoay quanh việc xác định cha, mẹ, con”;¹⁸ *Theo quan điểm thứ hai*, chỉ khi nào các bên tranh chấp với nhau về việc xác định cha, mẹ, con thì mới được coi là “có tranh chấp”, trường hợp các bên không có tranh chấp về việc xác định cha, mẹ, con mà có tranh chấp về các vấn đề khác có liên quan đến xác định cha, mẹ, con thì không được coi là “có tranh chấp”.¹⁹

Chúng tôi cho rằng quan điểm thứ hai về xác định “có tranh chấp” hay “không có tranh chấp” như trên là phù hợp. Bởi lẽ, quyền nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con là quyền nhân thân chỉ gắn liền với chính người cha, người mẹ, người con mà thôi. Trong quan hệ cha-con, mẹ-con cần chú trọng tới ý chí của chính các chủ thể này trong mối quan hệ đó mà không một chủ thể nào có thể can thiệp vào.²⁰ Do vậy, xét về bản chất,

17 Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *tlđđ*, tr. 266.

18 Lưu Tiến Dũng, Đặng Thanh Hoa (đồng chủ biên), *tlđđ*, tr. 530.

19 Lưu Tiến Dũng, Đặng Thanh Hoa (đồng chủ biên), *tlđđ*, tr. 530.

20 Trần Thu Phương, *Xác định cha, mẹ, con theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 84.

nội hàm, mối quan hệ này sẽ bị tác động, chi phối trực tiếp bởi các bên có quyền và lợi ích liên quan đến việc xác định cha, mẹ, con.

Ngoài ra, về hình thái thể hiện tranh chấp, nhóm tác giả cho rằng dấu hiệu tranh chấp được xác định không chỉ trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thể hiện minh thị về ý chí của một trong các bên có quyền và lợi ích liên quan mà còn có thể hiện ở dạng “không rõ ràng”, “không xác định được ý chí”, chẳng hạn chủ thể liên quan cố tình hay vì một lý do khách quan mà không thể hiện được ý chí về mặt văn bản. Chẳng hạn trong vụ việc số 1 như đã phân tích, việc Tòa án đề nghị cần có văn bản thể hiện ý kiến của bà B là phù hợp, và điều này cũng cho phép hiểu là trong trường hợp không có văn bản thể hiện sự đồng ý, thì mặc dù người này không có văn bản thể hiện ý kiến là đồng ý hay phản đối, tuy nhiên vẫn được xác định là có yếu tố tranh chấp.

Thứ hai, về việc xác định cha, mẹ, con bằng cơ chế việc dân sự, tại các Chương từ XXIV đến XXXIV BLTTDS năm 2015, nhà làm luật đã quy định chi tiết về thủ tục yêu cầu giải quyết đối với một số việc dân sự phổ biến. Theo đó, tương ứng với từng loại yêu cầu dân sự khác nhau, tại từng chương tương ứng của BLTTDS năm 2015, nhà làm luật đã đưa ra hướng dẫn rõ ràng về cơ chế yêu cầu, cơ chế giải quyết các yêu cầu dân sự này. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là trong 10 nhóm yêu cầu được hướng dẫn chi tiết trong BLTTDS năm 2015 lại không có điều khoản điều chỉnh cụ thể về yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hay xác định con cho cha, mẹ. Sự thiếu sót này vô hình trung gây khó khăn cho chủ thể có yêu cầu Tòa án giải quyết trong việc nhận diện và xác định về các vấn đề như: (i) các chủ thể được quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con; (ii) thẩm quyền của Tòa án giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con; (iii) thủ tục yêu cầu xác định cha, mẹ, con (Điều kiện cần lưu tâm khi trình bày đơn yêu cầu; các tài liệu, chứng cứ bắt buộc kèm theo đơn yêu cầu). Từ hạn chế này, nhóm tác giả kiến nghị BLTTDS năm 2015 bổ sung thêm quy định riêng biệt về thủ tục giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con. Trong đó, cần minh định các khía cạnh pháp lý sau:

Một là, những hình thái thể hiện của yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ. Trên thực tế, trong nhiều quyết định giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hay xác định con cho cha, mẹ của Tòa án, căn cứ pháp lý Tòa án viện dẫn không phải là khoản 10 Điều 29 BLTTDS năm 2015 (điều khoản quy định chi tiết), mà là khoản 11 Điều 29 BLTTDS năm 2015 (điều khoản mang tính chất dự liệu); bên cạnh đó, có trường hợp lại không nêu rõ. Để làm rõ vấn đề này, nhóm tác giả phân tích vụ việc như sau:

*Vụ việc số 3:*²¹ Theo xác nhận của bà H, ông Đ và chị N, ông Đ và bà H nhận chị N làm con nuôi lúc chị N còn nhỏ. Năm 2006, bà H và chị N phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu xác định chị N không phải là con đẻ của bà

21 Quyết định số 141/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của TAND Thành phố V, tỉnh B.

H. Trong quá trình giải quyết yêu cầu, chị N cũng thừa nhận chị N không phải là con đẻ của bà H và đồng ý với yêu cầu của bà H đưa ra. Bản Kết quả xét nghiệm AND ngày 24/5/2017 của Trung tâm xét nghiệm LOCI AND kết luận: Mẫu AND của bà H và mẫu AND của chị N không cùng quan hệ huyết thống mẹ con, cho thấy, giữa bà H và chị N không có cùng huyết thống, việc không tồn tại quan hệ mẹ con ruột là có thật.

Từ cơ sở trên, TAND Thành phố V đã ban hành Quyết định số 141/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 về việc: “Xác định một người không phải là con” với kết luận: Căn cứ khoản 2 Điều 89 Luật HNGĐ; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 36; điểm t khoản 2 Điều 39 BLTTDS, tuyên bố: Chị N không phải là con của bà H.

Trường hợp này, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Xác định một người không phải là con”, và căn cứ quy định chung tại điểm b khoản 2 Điều 35 về thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện đối với yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của BLTTDS năm 2015 để thụ lý, giải quyết mà không nêu rõ loại việc dân sự này là theo quy định tại khoản 10 hay khoản 11 BLTTDS năm 2015.

Hai là, thủ tục giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ được thực hiện cụ thể ra sao. Nội dung đã phân tích cho thấy yêu cầu xác định cha, mẹ, con là một thủ tục phức tạp, ranh giới giữa việc xác định là “yêu cầu dân sự” hay “tranh chấp dân sự” trong nhiều trường hợp là rất mong manh. Hơn nữa, xét về tính phổ biến của quan hệ pháp luật này trong thực tiễn, cần dành một Chương của BLTTDS năm 2015 để điều chỉnh cụ thể về nội dung này. Sự bổ sung này là phù hợp ở góc độ pháp lý, thực tiễn, cũng như phù hợp với kỹ thuật lập pháp của BLTTDS năm 2015 khi xây dựng những Chương riêng biệt để điều chỉnh về từng yêu cầu dân sự.

Nhóm tác giả kiến nghị bổ sung thêm Chương XXV như sau:

“Chương XXV. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT YÊU CẦU XÁC ĐỊNH CHA, MẸ CHO CON HOẶC CON CHO CHA, MẸ

Điều ... Những việc dân sự liên quan đến xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ

Điều ... Đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ

Điều ... Thủ tục gửi Đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ

Điều ... Thủ tục giải quyết Đơn yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ”.

Kết luận

Sự kiện sinh đẻ là một trong các căn cứ làm phát sinh quan hệ cha, mẹ, con, qua đó, hình thành quan hệ gia đình. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc xác định mối quan hệ này rơi vào tình trạng bế tắc, đặc biệt liên quan đến việc phân định thẩm quyền, thủ tục xác định cha, mẹ,

con. Rõ ràng, xác định cha, mẹ, con là một vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Kết quả giải quyết vấn đề này là cơ sở làm phát sinh nhiều vấn đề pháp lý quan trọng trong mối liên hệ giữa cha, mẹ, con, trong có thể kể đến các khía cạnh về quyền nhân thân hay quyền tài sản.

Chúng ta đang trên con đường điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống các quy định của BLTTDS năm 2015 để đảm bảo xây dựng, củng cố các quyền của công dân nói chung, quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con nói riêng. Do vậy, cần nhận diện và chỉ ra những bất cập, qua đó xây dựng thiết chế phù hợp, đảm bảo khả năng thực thi quy định pháp luật trong lĩnh vực này. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Shruti Bedi, “Comparing matrimonial laws in India and Vietnam: Is a uniform Civil Code necessary?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 7(2), 2022, tr. 101-114, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0010>
- [2] Lưu Tiến Dũng, Đặng Thanh Hoa (đồng chủ biên), *Lý giải một số vấn đề của BLTTDS năm 2015 từ thực tiễn xét xử*, Nxb. Tư pháp, 2022 [trans: Luu Tien Dung, Dang Thanh Hoa (co-editor), *Explanation of certain issues in the 2015 Civil Procedure Code from judicial practice*, Judicial Publishing House, 2022]
- [3] Nguyễn Quang Hiền, *Giải quyết vụ việc dân sự (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Lao động, 2022 [trans: Nguyen Quang Hien, *Settling civil cases and matters (Monograph)*, Labour Publishing House, 2022]
- [4] Lê Khánh Linh và các tác giả khác, *Bộ luật Dân sự Trung Quốc 2020 (Bản dịch và lược giải)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021 [trans: Le Khanh Linh and other authors, *Chinese Civil Code 2020 (Translation and interpretation)*, Hanoi National University Publishing House, 2021]
- [5] Trần Thu Phương, *Xác định cha, mẹ, con theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội, 2015 [trans: Tran Thu Phuong, *Identifying parents and children according to Vietnam laws*, Master’s thesis, Faculty of Law – Hanoi National University, 2015]
- [6] Nguyễn Thị Thu Suong, *Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2020 [trans: Nguyen Thi Thu Suong, *Principles of providing evidence and proof in civil proceedings*, Master’s thesis, Hochiminh City University of Law, 2020]
- [7] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam (tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung)*, Nguyễn Văn Tiến (chủ biên), Nxb. Hồng Đức, 2022 [trans: Ho Chi Minh City University of Law, *Vietnamese marriage and family law curriculum (first edition, with corrections and supplements)*, Nguyen Van Tien (Editor), Hong Duc Publishing House, 2022]
- [8] Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (Tập 1: Các quan hệ nhân thân về gia đình)*, Nguyễn Ngọc Điện, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2022 [trans: Ho Chi Minh City Open University, *Marriage and family law curriculum (Volume 1: Family personal relationships)*, Nguyen Ngoc Dien, Ho Chi Minh City National University Publishing House, 2022]
- [9] Ngo Thi Anh Van, “Offsprings conceived via assisted reproductive technology by a single woman: A matter of father identification”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3(2), 2020, tr. 1-19, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>
- [10] Văn phòng VKSND tối cao, “Bàn về thẩm quyền xác định quan hệ cha, mẹ, con”, *Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, 2020 [trans: Supreme People’s Procuracy Office, “Discussing the authority to determine the relationship between father, mother and child”, *Supreme People’s Procuracy Electronic Information Portal*, 2020]
- [11] Wenting You, “Parent-child relationship in the Civil Code of China”, *Laws*, Vol. 12(1), 2023, <https://doi.org/10.3390/laws12010001>